

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
 - **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Trần Văn Đô;**
 - **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà **Hồ Thị Mai Hương**
Ông **Phạm Phước Tâm**
- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Thanh Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 586/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2017/QĐST-HNGĐ giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị **Trương Thị Nguyệt A**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh C và chị A tổ chức đám cưới và sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Cao Lãnh ngày 04/11/2002. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng thời gian sau giữa anh và chị A xảy ra nhiều mâu thuẫn. Sau khi sinh con chị A xin đi thành phố Hồ Chí Minh

để tìm việc làm nhưng anh không đồng. Chị A kiên quyết đi làm nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Thời gian đầu chị Ánh còn liên lạc với gia đình nhưng khoảng 03 năm nay không còn liên lạc nữa và anh C không rõ địa chỉ của chị A đang sinh sống tại đâu.

Nay vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị A.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Trương Kiều M, sinh ngày 28/12/2012, hiện đang sống chung với anh C. Khi ly hôn anh C yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung:** Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Chị Trương Thị Nguyệt A vắng mặt tại địa phương và đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định số 07/2017/QĐDS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy chứng nhận kết hôn Trần Văn C – Trương Thị Nguyệt A; ngày đăng ký 04/11/2002 tại UBND xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh (Bản sao);
2. Bản sao giấy khai sinh Trần Trương Kiều M, sinh ngày 28/12/2012;
3. Quyết định số 07/2017/QĐDS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Ngoài ra không còn tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Trần Văn C có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị Nguyệt A. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

Chị Trương Thị Nguyệt A là người bị kiện có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại tổ 9, ấp 2, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và điểm b Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Chị Trương Thị Nguyệt A vắng mặt tại địa phương và đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định số 07/2017/QĐDS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân

dân huyện Cao Lãnh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị A.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị A chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh ngày 27/9/2012. Xét thấy hôn nhân giữa anh C và chị A là hợp pháp, anh C yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, theo anh C trình bày, thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc đến thời gian sau thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không còn tình cảm gắn kết với nhau, anh C có tìm cách hàn gắn tình cảm của vợ chồng nhưng không được. Chị A và anh C đã ly thân với nhau 03 năm nay nhưng chị A đã bỏ đi không liên lạc được. Mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, chị A đã bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 07/2017/QĐDS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh C.

- Về con chung: Anh C và chị A có 01 con chung tên Trần Trương Kiều M, sinh ngày 28/12/2012, hiện đang sống với anh C. Xét thấy việc giao con chung cho ai là căn cứ vào điều kiện phát triển thể chất và tinh thần của anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Con chung sống với anh C đang phát triển tốt về mọi mặt nên cần xem xét để anh C tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Anh Trần Văn C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Trương Kiều M, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu. Chị Trương Thị Nguyệt A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh C trình bày không có nợ chung.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án anh C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo Biên lai số 16190 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 2 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Trần Văn C.

Về hôn nhân: Anh Trần Văn C được ly hôn với chị Trương Thị Nguyệt A.

Về con chung:

Anh Trần Văn C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Trương Kiều M, sinh ngày 28/12/2012, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu.

Chị Trương Thị Nguyệt A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có.

2. **Về án phí:** Anh Trần Văn C phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 16190 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đô